

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 689/2021/DS-PT

Ngày: 14/12/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Thảo

2/ Bà Phan Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huỳnh T - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận TB, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3782/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9311/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Phước N, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 46A đường CM, phường TT, quận TP, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Khắc H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 111/31 đường TH, Phường MB, quận TB, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tạ Thanh P, sinh năm 1973 theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2020 (có mặt)

Địa chỉ: Số 115/26 đường LTT, phường SK, quận TP, Thành phố H

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ Bà Trần Phương Uyên T, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 46A Cách Mạng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố H

3.2/ Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 138/48 đường TCD, Phường MB, quận TB, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trương Phước N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ông N có cho ông Trần Khắc H vay tổng cộng số tiền là 1.000.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 mượn số tiền 300.000.000đ và hứa trả hết vào cuối năm 2018. Giấy mượn tiền ngày 01/3/2019 mượn số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 06/4/2019 ông H mượn thêm 100.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mượn theo Giấy mượn tiền ngày 01/3/2019 và ngày 06/4/2019 là 400.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 03/9/2019 số tiền 300.000.000đ, số tiền vay này ông N cho ông H vay và chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông H số tài khoản 010242232 tại Ngân Hàng TMCP ĐA – Chi nhánh LTK.

Sau khi vay tiền, ông N đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại số tiền trên cho ông N nhưng ông H cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 90.000.000 đồng. Tổng cộng, ông H phải trả tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 1.090.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi triệu đồng).

Ông N yêu cầu cá nhân ông H có trách nhiệm trả số tiền trên và trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông N không đồng ý. Ông N xác nhận hiện đang giữ 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 00901; CS 00902 và số CS 00903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cấp cho ông H và bà P. Ngay khi ông H trả hết tiền cho ông N thì ông N sẽ trả lại cho ông H 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên. Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 ông H trình bày đã trả cho ông N, ông N xác nhận chưa nhận được số tiền này nên không đồng ý với yêu cầu hủy giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 của ông H.

Ông Tạ Thanh P là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông H xác nhận chỉ vay của ông N số tiền là 700.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ngày 01/3/2019, ngày 06/4/2019 và ngày 03/9/2019. Theo các giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nên ông H chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi. Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 ông H đã trả xong nên ông H yêu cầu tuyên hủy giấy mượn tiền ngày 17/11/2017. Ngoài ra, ông H còn yêu cầu ông N trả lại 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 00901; CS 00902 và số CS 00903

do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cấp cho ông H và bà P.

Bà Trần Phương Uyên T có bản tự khai trình bày: Bà T là vợ của ông N, số tiền ông N cho ông H vay là tài sản chung của vợ chồng bà nên yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Khắc H có nghĩa vụ trả lại tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử.

Bà Trần Thị Bích P trình bày: Bà P và ông H cùng đứng tên trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 00901; CS 00902 và CS 00903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016. Các giấy chứng nhận này Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp cho mỗi người giữ 01 bản chính, các bản chính cấp cho bà P, bà P hiện đang giữ. Việc vay tiền giữa ông H và ông N bà P không biết. Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu ông N trả lại 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông N đang giữ bà P không có ý kiến gì và đồng ý với yêu cầu của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, ông Trương Phước N trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Khắc H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu ông H trả tiền lãi như sau:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017, ông H sẽ thực hiện việc trả nợ vào cuối năm 2018 nhưng vẫn không trả nên ông yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử với lãi suất 9%/năm, ông tính tròn 28 tháng. ($300.000.000đ \times 0,75\% \times 28 \text{ tháng} = 63.000.000 \text{ đồng}$).

Đối với các Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2019, 06/4/2019 và ngày 03/9/2019, do không thỏa thuận thời hạn trả nên ông yêu cầu ông H trả tiền lãi cho ông trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ông gửi thông báo đòi nợ, ông yêu cầu tính lãi từ ngày 24/3/2020 đến khi Tòa án xét xử là 14 tháng ($700.000.000đ \times 0,75\% \times 14 \text{ tháng} = 73.500.000 \text{ đồng}$). Tổng số tiền nợ lãi là 136.500.000 đồng.

Tổng cộng, ông yêu cầu ông H phải trả tiền gốc và lãi là 136.500.000.000 đồng, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu ông H tiếp tục chịu tiền lãi cho đến khi thi hành án xong.

Đối với yêu cầu của ông H tuyên hủy Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017, ông không đồng ý. Bởi vì, trên thực tế ông H chưa trả số tiền này cho ông N. Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu ông N trả lại 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 00901; số CS 00902 và số CS 00903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cấp cho ông H và bà P. Ông N chỉ đồng ý trả lại 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ông H thanh toán đủ tiền cho ông N.

Ông N xác định số tiền cho ông H vay là tài sản chung của ông N và vợ là bà Trần Phương Uyên T.

Ông Tạ Thanh P đại diện bị đơn trình bày: Ông H chỉ đồng ý trả số tiền 700.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017 ông H đã trả tiền xong nên đề nghị hủy giấy mượn tiền này. Bởi vì căn cứ theo Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2019, ông H xác định đến thời điểm ngày 01/3/2019 ông H chỉ nợ ông N số tiền 300.000.000 đồng nên có căn cứ xác định ông H đã trả xong số tiền theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 và do ông H tin tưởng ông N nên không lấy lại bản chính Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 để hủy bỏ. Đồng thời, yêu cầu ông N phải trả lại cho ông H 03 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 00901; CS 00902 và số CS 00903 do Sở tài nguyên Và môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cấp cho ông H và bà P. Theo quy định thì giữa cá nhân với cá nhân không được phép thực hiện giao dịch thế chấp quyền sử dụng đất nên việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông N và ông H là không đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông N phải trả lại 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân quận TB đã quyết định:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Phước N:

Buộc ông Trần Khắc H có trách nhiệm trả cho ông Trương Phước N và bà Trần Phương Uyên T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo các Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017, 01/3/2019, 06/4/2019 và Giấy nhận nợ ngày 03/9/2019.

Tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền 700.000.000 đồng tính từ ngày 24/3/2020 đến ngày 24/5/2021 là 73.500.000 đồng ($700.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 14 \text{ tháng} = 73.500.000 \text{ đồng}$).

Tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017 là 63.000.000 đồng ($300.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ tháng} \times 0,75\% = 63.000.000 \text{ đồng}$).

Tổng cộng, tiền nợ gốc và lãi là 1.136.500.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Phương thức thanh toán và thời hạn trả nợ: Ông Trần Khắc H trả toàn bộ số tiền trên làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trương Phước N đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án ông Trần Khắc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy

định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Khắc H.

Buộc ông Trương Phước N trả lại cho ông Trần Khắc H 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00901; CS00902 và số 00903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cho ông Trần Khắc H và bà Trần Thị Bích P ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 04/6/2021 ông H đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 131/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 cho rằng Bản án sơ thẩm đã tuyên là thiếu khách quan, không đánh giá đúng bản chất sự việc đã gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông H với lý do sau:

Thứ nhất; đối với số tiền vay 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017: Thực tế ông H đã trả vào ngày 19/11/2018 số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng nhưng do khi trả ông N không có nhà mà đưa cho vợ ông N nhận, hôm sau ông H yêu cầu ông N trả lại Giấy mượn tiền nhưng ông N nói “là anh em với nhau giúp nhau không hết nên cứ yên tâm không sao cả” Do nể nang tin tưởng ông N nên ông cũng không đòi ông N trả lại Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 nữa.

Thứ hai, theo hồ sơ khởi kiện ban đầu ông N chỉ nộp 03 tài liệu chứng cứ là các Giấy mượn tiền ngày 01/3/2019; 06/4/2019 và phiếu chuyển khoản trực tiếp. Ông N không nhắc gì đến số nợ theo Giấy mượn nợ ngày 17/11/2017 và chỉ khởi kiện các khoản nợ từ năm 2019.

Thứ ba, trong các giấy vay tiền năm 2019, ông H đều ghi rõ nội dung chốt lại số tiền mượn còn thiếu nhưng không được Tòa cấp sơ thẩm làm rõ dẫn đến việc đánh giá không khách quan, thiếu công bằng và đã chấp nhận chứng cứ nộp bổ sung sau của ông N là Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017.

Ông H kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm tuyên sửa án sơ thẩm bác phần yêu cầu khởi kiện của ông N đối với số nợ 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo giấy mượn tiền ngày 17/11/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện,

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng trong quá trình thu thập chứng cứ như nội dung đã phân tích trong đơn kháng cáo nêu trên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Phía Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hạn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định.

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Phương Uyên T, bà Trần Thị Bích P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của ông H: Xét thấy phía ông H cho rằng đối với số nợ vay 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017 thực tế ông H đã trả là 450.000.000 đồng trong đó 300.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 150.000.000 đồng là tiền nợ lãi nhưng do thân quen tin tưởng nhau nên sau khi trả đã không buộc ông N trả lại giấy mượn tiền ngày 17/11/2017. Về việc này không được phía ông N thừa nhận, ngoài lời khai của mình ông H không có chứng cứ gì chứng minh. Ông H cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá không khách quan khi ông chứng minh rằng trong các giấy nhận nợ năm 2019 ông đã chốt lại số tiền vay nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét tình tiết này. Nhận thấy tại Giấy mượn tiền ngày 01/3/2019 ông H có ghi “ Ngày 21/01/2019 tôi có mượn anh N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nay ngày 01 tháng 3 năm 2019 tôi có mượn thêm anh N 200.000.000 đồng. Như vậy trước sau tôi có mượn anh N 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Từ đầu năm 2019 tôi sẽ trả đủ số tiền trên khi anh N yêu cầu”

Giấy mượn tiền ngày 06/4/2019 “vào ngày 01/3/2019 tôi có mượn anh Trương Phước N số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) Hôm nay ngày 06/4/2019 tôi có mượn thêm của anh N 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Như vậy tôi mượn anh N trước và sau tổng cộng là 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) từ tháng 3 năm 2019. Tôi sẽ trả đủ số tiền trên khi anh N yêu cầu”.

Xét thấy nội dung 02 giấy mượn nêu trên ông H có chốt nợ nhưng chỉ chốt khoản tiền nợ đã vay của ông N từ năm 2019 mà không nói gì đến khoản nợ 300.000.000 đồng từ năm 2017 xác nhận đã trả hết hay chưa trả. Và trong hai Giấy nợ này không có chữ ký chữ viết nào của ông N thể hiện về việc xác nhận

ông N chỉ còn nợ 700.000.000 đồng như ông H trình bày, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn phủ nhận lời trình bày của bị đơn về việc đã trả 300.000.000 đồng, phía bị đơn cũng không có chứng cứ mới nào chứng minh cho lời khai của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xem xét. Ngoài ra tại phiên Tòa phúc thẩm người diện hợp pháp của bị đơn đề nghị Tòa hủy án vì cho rằng Tòa cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi không cho tiến hành đối chất giữa bị đơn với bà T để xác định có việc bị đơn đã trả tiền nợ gốc 300.000.000 đồng nêu trên. Thấy tại Tòa cấp sơ thẩm, bà T đã khai và xác nhận yêu cầu ông H phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 01 tỷ đồng và thống nhất với toàn bộ lời khai và yêu cầu của ông N là chồng của bà T. Đồng thời trong suốt quá trình tại cấp sơ thẩm phía bị đơn cũng không có đơn yêu cầu đối chất và cơ bản phía bị đơn không có chứng cứ gì mới chứng minh đã giao số tiền nợ gốc và lãi theo giấy nhận nợ ngày 17/11/2017 cho bà T. Từ những phân tích viện dẫn nêu trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và đại diện hợp pháp của ông H đề nghị hủy sơ thẩm. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do y án sơ thẩm nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Khắc H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận TB.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Phước N:

Buộc ông Trần Khắc H có trách nhiệm trả cho ông Trương Phước N và bà Trần Phương Uyên T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) theo các Giấy mượn tiền ngày 17/11/2017, 01/3/2019, 06/4/2019 và Giấy nhận nợ ngày 03/9/2019.

Tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền 700.000.000 đồng tính từ ngày 24/3/2020 đến ngày 24/5/2021 là 73.500.000 đồng (700.000.000 đồng x 0,75% x 14 tháng = 73.500.000 đồng).

Tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017 là 63.000.000 đồng (300.000.000 đồng x 28 tháng x 0,75% = 63.000.000 đồng).

Tổng cộng, tiền nợ gốc và lãi là 1.136.500.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Phương thức thanh toán và thời hạn trả nợ: Ông Trần Khắc H trả toàn bộ số tiền trên làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trương Phước N đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án ông Trần Khắc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Khắc H.

Buộc ông Trương Phước N trả lại cho ông Trần Khắc H 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00901; số CS00902 và số 00903 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp ngày 20/5/2016 cho ông Trần Khắc H và bà Trần Thị Bích P ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông H phải nộp là 46.095.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi năm ngàn đồng).

Ngoài ra ông H còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0068263 ngày 07/9/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận TB Thành phố H lập.

Hoàn lại ông Trương Phước N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.365.000 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0016330 ngày 25/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận TB, Thành phố H lập.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0069536 ngày 07/6/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự quận TB lập.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TPH;
- TAND quận TB;
- Chi cục THA quận TB;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thủy